TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HS-ST
Ngày 18/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phong;

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đăng Đán, ông Nguyễn Mạnh Diễn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến, Thư ký Tòa án;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: Bà Vũ Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 18/4/2019, tại Trụ sở Tòa án huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2019/TLST-HS ngày 28/3/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HS ngày 05/4/2019 đối với 02 bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; học phổ thông: 8/12; không nghề nghiệp; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn V và bà Phạm Th, cùng sinh năm 1964; gia đình có 03 chị em, bị cáo thứ 3; vợ Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1998; có 01 con sinh năm 2015; không tiền án, tiền sự.

Nhân thân: Bản án số: 35/2010/HSST ngày 27/9/2010 của TAND huyện G, tỉnh Bắc Ninh, xử phạt 30 tháng tù và phạt bổ sung 5 triệu đồng về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đã chấp hành xong và đã được xóa án tích. Bản án số 85/2013/HSST ngày 27/12/2013 của TAND huyện Y, tỉnh Bắc Giang, xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong hình phạt tù và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 29/01/2019 đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Văn P, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; học phổ thông: 4/12; không nghề nghiệp; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn U, sinh năm: 1971 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1968; gia đình có 02 anh em, bị cáo thứ 2; không tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 29/01/2019 đến nay, có mặt.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1992; nơi cư trú: Thôn N, xã

Nh, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết ngày 13/01/2019, trong Thôn K, xã N, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, có đám cưới nên bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn P đã rủ nhau đi đến đám cưới xem ai có sơ hở thì trộm cắp. Khoảng 09 giờ cùng ngày, Phú đi đến dự đám cưới và mang theo 01 chiếc vam phá khóa hình chữ T bằng kim loại, có chiều dài khoảng 12 cm.

Khoảng 13 giờ ngày 13/01/2019, Đ đi đến khu vực đám cưới thấy có nhiều xe mô tô dựng tại sân nhà bà Lưu Thị T, không có người trông giữ xe nên nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô. Bị cáo Đ gọi điện bảo bị cáo P mang chiếc vam phá khóa đưa cho Đ để thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe. P đồng ý cầm vam phá khóa đưa cho Đ. Sau đó Đ dùng vam để phá khóa điện xe mô tô Honda Wave BKS: 99H1 – 091.02 và trộm cắp được chiếc xe. Sau đó, Đ điện cho P ra cánh đồng thôn N, xã Nh; tại đây, P đã tháo biển số xe bằng chiếc cờ lê trong cốp xe trộm cắp mà Đ đưa và vứt biển số xe cùng cờ lê xuống mương nước gần đó. Sau đó, Đ điều khiển chiếc xe trộm cắp được đi về nhà. Đến ngày 14/01/2019, Đ mang chiếc xe trộm cắp giao lại cho P.

Cùng ngày, P tìm lại chiếc biển số xe mô tô 99H1 - 091.02 cùng cờ lê và chiếc xe máy đến Công an huyện G tự thú, đồng thời giao nộp các tài sản trên cùng 01 điện thoại.

Cùng ngày 14/01/2019, chị Nguyễn Thị T có đơn trình báo gửi Công an huyện Gia Bình về việc bị mất chiếc xe máy trên. Ngày 17/01/2019, bị cáo Đ đến Công an huyện G đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp tài sản.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 03 ngày 20/01/2019 kết luận: "01 xe mô tô mang nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, số máy 5067390, số khung 067473, đã qua sử dụng có giá trị là 8.100.000đ.

Cáo trạng số: 25/CTr-VKS-GB, ngày 27/3/2019 của Viện kiểm sát huyện G truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị cáo Nguyễn Văn P về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa, buộc tội các bị cáo về tội đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điều 65, các điểm b, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 12 đến 18 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng.

02 bị cáo nhận tội, thừa nhận hành vi như Cáo trạng và bản luận tội của Viện kiểm sát, không tham gia tranh luận mà xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định sau:

[1] Về tố tụng: Người bị hại là chị Nguyễn Thị T vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy việc chị T vắng mặt không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án nên HĐXX vẫn tiếp tục xét xử theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản, lời khai của người bị hại, vật chứng thu được và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 13 giờ ngày 13/01/2019, tại Thôn K, xã N, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 99H1 - 091.02 trị giá 8.100.000đ của chị Nguyễn Thị T. Bị cáo P đã chuẩn bị vám phá khóa và đưa cho Đ, để Đ trực tiếp lấy xe; sau khi trộm cắp được bị cáo P đã tháo biển kiểm soát của xe nhằm trốn tránh sự phát hiện của chủ sở hữu. Do vậy bị cáo Phú không trực tiếp lấy xe nhưng bị cáo đã phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức.

Hành vi nên trên của 02 bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại Khoản 1 Điều 173 BLHS.

[3] Hành vi phạm tội của 02 bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ; gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của 02 bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, các bị cáo hiểu và biết được hậu quả của hành vi trộm cắp mà pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn vi phạm. Vì vậy, cần xử mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo thấy: Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, cả 02 bị cáo đều có mục đích trộm cắp tài sản, bị cáo Đ là người thực hành tích cực, trực tiếp

trộm cắp tài sản nên có vai trò chính; bị cáo P không trực tiếp trộm cắp tài sản mà chuẩn bị vam phá khóa để bị cáo Đ trộm cắp tài sản, tháo biển số xe nên có vai trò đồng phạm giúp sức.

Bị cáo P phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú, tự nguyện sửa chữa bằng cách giao nộp tài sản trộm cắp để trả cho người bị hại; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b,i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự. Xét thấy, bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tội phạm mà bị cáo thực hiện là do nhất thời, mang tính chất giản đơn, bị cáo chỉ có vai trò giúp sức trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời thể hiện được chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước. Điều này cũng phù hợp với Điều 65 của Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Bị cáo Đ có nhân thân xấu, ngoài lần phạm tội này bị cáo đã hai lần phạm tội, trong đó có một lần phạm tội "Trộm cắp tài sản", mặc dù đã được xóa án tích nhưng điều đó thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật. Do vậy, cần có hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ một phần hình phạt; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Hai bị cáo đều không có tài sản riêng, không nghề nghiệp nếu có áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cũng không có tính khả thi, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu đề nghị gì, nên không xem xét giải quyết.

[8] Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu xanh, model 105 thu giữ của bị cáo P. Xét thấy chiếc điện thoại này là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ. Đối với chiếc cờ lê bằng kim loại, bị cáo đã dùng để tháo biển số. Xét thấy chiếc cờ lê này bị cáo lấy ở xe của người bị hại và xác định là tài sản hợp pháp của người bị hại, nên trả lại cho chị Nguyễn Thị T là phù hợp.

[9] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[10] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát buộc tội bị cáo về tội đã truy tố là có căn cứ, nhưng đề nghị mức hình phạt là hơi nhẹ so với hành vi của các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự xử phạt bị cáo:

Nguyễn Văn Đ 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Cấm bị cáo đi khỏi nơi cư trú kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm chấp hành án phạt tù.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 65, các điểm b, i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử phạt bị cáo:

Nguyễn Văn P 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn P cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu xanh, model 105, số IMEI: 357780/06/307865/9. Trả lại 01 chiếc cờ lê bằng kim loại cho chị Nguyễn Thị T.

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn P mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS huyện G;
- Cán bộ thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Phong